

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-10-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thuận.

2. Bà Nguyễn Thị Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên,

Ngày 13 tháng 10 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1972.

Đại chỉ: **Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Trần Thị Kim L** trình bày:

- *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chị và anh **Trần Minh T** tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã I, huyện C (nay là huyện C) tỉnh Gia Lai** vào ngày 29/10/2007. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, chị nghi ngờ anh **T** có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể

tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân được 03 năm. Chị không còn tình cảm yêu thương anh **T** nữa. Do đó, chị đề nghị quý Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

- *Về con chung*: Chị và anh **T** có 03 con chung là cháu **Trần Minh P**, sinh năm 2000; **Trần Thị Kim T1**, sinh năm 2002 và **Trần Minh P1**, sinh ngày 26/10/2004. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là **Trần Minh P1**, sinh ngày 26/10/2004. Không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này. Tuy nhiên hiện nay, các con chung là **P**, **T1**, **P1** đã thành niên, trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh **Trần Minh T**: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh **T** đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh **T** tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương thì anh **T** có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại **thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Từ năm 2018 giữa vợ chồng anh **T** và chị **L** có xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân được khoảng 03 năm. Hiện nay anh **T** không có mặt tại địa phương, anh **T** đi làm ăn xa, thỉnh thoảng anh **T** có về thăm nhà rồi lại đi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án về cơ bản là đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Căn cứ theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xử cho chị **Trần Thị Kim L** được ly hôn với anh **Trần Minh T**.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc chị **Trần Thị Kim L** phải chịu án phí DSST là 300.0000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị **Trần Thị Kim L** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn là anh **T** có địa chỉ tại **thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai. Tòa án

nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh **Trần Minh T** (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **T**.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Kim L** và anh **Trần Minh T** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 29/10/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau nữa. Chị **L** sinh sống ở xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, còn anh **T** đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng anh **T** có về nhà thăm con. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Tòa án triệu tập lấy ý kiến, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, song anh **T** đều cố tình vắng mặt mà không có lý do, không thiện chí trong việc duy trì hạnh phúc gia đình mà phó mặc cho việc giải quyết của Tòa án. Qua xác minh tại địa phương nơi chị **L** và anh **T** cư trú, xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và cả hai đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy: hôn nhân của chị **L** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **T** là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị **L** và anh **T** có 03 con chung là cháu **Trần Minh P**, sinh năm 2000; **Trần Thị Kim T1**, sinh năm 2002 và **Trần Minh P1**, sinh ngày 26/10/2004. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022, chị **L** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là **Trần Minh P1**, sinh ngày 26/10/2004. Không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này. Tuy nhiên hiện nay, các con chung là **P**, **T1**, **P1** đã thành niên, trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đề cập xử lý.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đề cập xử lý.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Trần Thị Kim L.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Kim L** được ly hôn anh **Trần Minh T.**

2. Về án phí: Chị **Trần Thị Kim L** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001161 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- UBND xã IaHrú (năm 2007);
- VKS nhân dân huyện Chư Puh;
- Chi cục THA huyện Chư Puh;
- Lưu VT/hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh